

Số: /ĐA-UBND

Ea Ly, ngày tháng năm 2026

ĐỀ ÁN

Phát triển Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Ea Ly

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 29/6/2026 của UBND xã Ea Ly)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Giáo dục và Đào tạo là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò quyết định trong phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng dân số và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, chuyển đổi số, đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông và yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, việc xây dựng Đề án phát triển giáo dục giai đoạn 2026-2030 là hết sức cần thiết.

Đề án nhằm tạo cơ sở để huy động các nguồn lực đầu tư và phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương 16/6/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1164/QĐ-BGDĐT ngày 21/4/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 Quy định Khung năng lực số cho người học; Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, trường phổ thông;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hợp nhất Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT: Ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 1164/QĐ-BGDĐT ngày 21/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 27/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về kiểm định chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐU ngày 05/8/2025, nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Ea Ly lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và chương trình hành động số Số 04-CTr/ĐU, ngày 05/11/2025, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC XÃ GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Các số liệu chi tiết được tổng hợp tại Phụ lục 01 và phụ lục 2 kèm theo Đề án)

1. Quy mô và mạng lưới trường lớp

Trên địa bàn toàn xã Ea Ly sau sát nhập đơn vị hành chính cấp xã có 05 đơn vị

trường học (2 trường Mẫu giáo, 01 trường Tiểu học, 01 trường THCS, 01 trường TH và THCS), với 82 nhóm/lớp, 2388 học sinh. Trong thời gian qua, nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk; Đảng ủy, UBND, HĐND xã Ea Ly; sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các phòng, ban, đoàn thể xã và nhân dân trên địa bàn, sự nghiệp giáo dục xã có những bước phát triển ngày một vững chắc.

2. Chất lượng giáo dục

Công tác tuyển sinh hằng năm được thực hiện đúng kế hoạch, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn. Chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ được duy trì, từng bước nâng cao; công tác huy động học sinh đến trường và duy trì sĩ số đạt kết quả tích cực.

Các cơ sở giáo dục thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em, học sinh theo mục tiêu chương trình giáo dục. Chất lượng giáo dục đại trà có chuyển biến; công tác giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử được chú trọng gắn với xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện. Hoạt động chăm sóc sức khỏe học đường, bảo hiểm y tế học sinh được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Giáo dục học sinh dân tộc tiem cận với giáo dục đại trà. Luôn có học sinh giỏi cấp tỉnh qua các năm là học sinh đồng bào dân tộc thiểu số, nhiều học sinh trúng tuyển vào trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh.

3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên từng bước được chuẩn hóa, chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng được nâng cao, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết, tích cực đổi mới phương pháp dạy học và quản lý, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương.

Công tác xây dựng Đảng trong các nhà trường được quan tâm; việc phát triển đảng viên, bồi dưỡng lý luận chính trị và nâng cao bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, giáo viên được triển khai thường xuyên, tạo nền tảng xây dựng đội ngũ vững vàng về phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; Trên 80% cán bộ, quản lý giáo dục có trình độ trung cấp lý luận chính trị.

4. Công tác xã hội hóa giáo dục

Công tác tuyên truyền, vận động xã hội hóa giáo dục được triển khai thường xuyên, tạo sự đồng thuận và huy động được sự tham gia của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân và Nhân dân trong chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục.

Phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội ngày càng được tăng cường, góp phần hỗ trợ các hoạt động giáo dục và cải thiện điều kiện dạy học tại các cơ sở giáo dục.

5. Khó khăn, tồn tại, nguyên nhân

*** Khó khăn, tồn tại**

Đội ngũ CBQL, nhà giáo, nhân viên hỗ trợ giáo dục chưa đồng bộ về cơ cấu và chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng. Tình trạng thiếu giáo viên và nhân viên trường học diễn ra liên tục và kéo dài qua nhiều năm học.

Hàng năm, biến động cơ cấu số lượng vẫn xảy ra do chuyển chuyên công tác và nghỉ theo chế độ gây ra nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các nhà trường

Cơ sở vật chất trường lớp còn thiếu hoặc không đảm bảo so với tiêu chuẩn, tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia. Hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy còn ở mức thấp, chưa đáp ứng các yêu cầu khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

Thiết bị dạy học chưa đáp ứng đủ nhu cầu theo chương trình giáo dục mầm non, GDPT 2018.

Tỉ lệ giáo viên giỏi, học sinh giỏi còn hạn chế. Chất lượng giáo dục đại trà chưa đồng đều giữa các cơ sở giáo dục; chất lượng giáo dục của xã còn có khoảng cách đáng kể so với các xã, phường có chất lượng cao về giáo dục. Công tác phân luồng học sinh cuối cấp chưa sát thực tế.

Một bộ phận gia đình học sinh chưa quan tâm đúng mức tới đầu tư cho giáo dục con cái; hoàn cảnh gia đình không đáp ứng tốt việc định hướng và đồng hành cùng con em, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phối hợp giáo dục cùng với các nhà trường nên tình trạng học sinh vi phạm chuyển biến chậm.

Ảnh hưởng của không gian mạng tác động ngày càng lớn đến hoạt động giáo dục của nhà trường và cảm xúc, hành vi, ứng xử của học sinh.

*** Nguyên nhân**

Việc bổ sung biên chế giáo viên cho ngành giáo dục chưa kịp thời do phụ thuộc vào cấp trên giao, tuyển dụng số lượng biên chế hàng năm cho địa phương.

Nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động giáo dục của địa phương còn hạn hẹp nên việc đầu tư cho cơ sở vật chất các trường học chưa được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Chất lượng học sinh giữa các vùng trên địa bàn xã có sự chênh lệch. Học sinh người dân tộc thiểu số còn gặp khó khăn trong việc học tiếng việt.

Đời sống kinh tế của người dân còn gặp nhiều khó khăn nên chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình.

IV. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhận thức sâu sắc, đầy đủ và thực hiện nhất quán quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai của dân tộc. Khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng ủy, HĐND, UBND xã đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, góp phần thực hiện thắng lợi các Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội xã Ea Ly giai đoạn 2025-2030.

Huy động sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị, các đoàn thể, doanh nghiệp

và nhân dân cùng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục. Bảo đảm đủ trường, đủ lớp, đủ giáo viên đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn xã.

Nâng cao chất lượng giáo dục theo yêu cầu đổi mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, gắn với chuyển đổi số, công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục, đào tạo. Người học là trung tâm, là chủ thể của quá trình giáo dục và đào tạo; nhà trường là nền tảng, nhà giáo là động lực, quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo. Thực hiện phương châm “Trường ra trường, lớp ra lớp, thầy ra thầy, trò ra trò” trên các mặt đạo đức, nhân cách, tri thức; kiên quyết chấn chỉnh tiêu cực trong giáo dục, coi trọng danh dự người thầy, tôn vinh người thầy trong xã hội.

Phát huy truyền thống hiếu học của gia đình, dòng họ, xây dựng xã hội học tập, khơi dậy mạnh mẽ các phong trào thi đua trong Nhân dân và trong toàn xã hội về học tập, tự học tập, học tập không ngừng, học tập suốt đời vì sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững của đất nước, vì tương lai của dân tộc.

2. Yêu cầu

Quán triệt đầy đủ các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cấp trên về giáo dục và đào tạo; bám sát thực tiễn, đề ra chỉ tiêu và giải pháp có tính khả thi, phù hợp với nguồn lực của xã.

Giáo dục phải bảo đảm “học đi đôi với hành”, “lý thuyết gắn liền với thực tiễn”, “nhà trường gắn liền với xã hội”. Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông là nền tảng hình thành nhân cách, phát triển phẩm chất và năng lực người học. Đảm bảo tính toàn diện, bao gồm cả chất lượng dạy học, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, thể chất, thẩm mỹ, chuyển đổi số trong giáo dục. Chú trọng phát triển giáo dục chất lượng cao.

Xác định rõ mục tiêu từng giai đoạn, có phân công trách nhiệm, cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá minh bạch. Đề cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, trường học, gia đình và xã hội.

V. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, giáo dục xã Ea Ly đạt được bước phát triển mới, chất lượng và hiệu quả giáo dục được nâng cao; duy trì vững chắc phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; xây dựng đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn; cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông 2018 và trường chuẩn quốc gia; hình thành môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc; chuyển đổi số trong quản lý và dạy học.

Phát triển hệ thống giáo dục mở đảm bảo công bằng, bình đẳng tiếp cận giáo dục phục vụ học tập suốt đời.

2. Mục tiêu cụ thể

(Các chỉ tiêu định lượng được thể hiện tại Phụ lục 03 kèm theo Đề án)

2.1. Giáo dục mầm non

Quản lý hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục mầm non, tạo điều kiện phát triển các nhóm trẻ đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trên địa bàn; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em theo quy định.

Nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo hướng phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tình cảm, kỹ năng và những yếu tố đầu tiên của nhân cách; bảo đảm trẻ được chuẩn bị tốt trước khi vào lớp Một.

Tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ giáo viên mầm non; duy trì, nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu hoàn thành công nhận lại trường chuẩn theo lộ trình.

2.2. Giáo dục phổ thông

Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục và xóa mù chữ; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, bảo đảm học sinh hoàn thành chương trình giáo dục ở các cấp học và tiếp tục học lên hoặc tham gia học nghề phù hợp.

Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên theo quy định; từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Tiếp tục mở rộng việc tổ chức dạy học hai buổi/ngày theo điều kiện thực tế; nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn; tăng cường bồi dưỡng học sinh cuối cấp, nâng cao chất lượng đầu ra; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường theo lộ trình phù hợp.

Duy trì và nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu hoàn thành các tiêu chí trường chuẩn theo kế hoạch.

2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và kiểm tra, đánh giá; thực hiện số hóa hồ sơ, dữ liệu và các hoạt động quản lý giáo dục.

Triển khai hình thành và phát triển năng lực số cho học sinh theo khung năng lực số; nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới giáo dục trong giai đoạn mới. Học sinh tiểu học, THCS đạt quy trình đầu ra theo Khung năng lực số cho học sinh phổ thông; giáo viên đáp ứng được yêu cầu về khung năng lực số đối với giáo viên.

2.4. Giáo dục học sinh Dân tộc thiểu số và giáo dục đặc thù

Đảm bảo quyền bình đẳng trong tiếp cận giáo dục. Tạo cơ hội học tập công bằng cho trẻ em, học sinh Dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Trang bị kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ và kiến thức cơ bản đối với học sinh khuyết tật để sớm hòa nhập với cộng đồng.

Đào tạo, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu đặc biệt cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật, bảo trợ xã hội.

Tuyên truyền, vận động người dân, các mạnh thường quân, các tổ chức, cá nhân có lòng hảo tâm thực hiện việc xã hội hóa giáo dục, tạo động lực đến trường, đặc biệt

là hỗ trợ các đối tượng học sinh là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật.

(Các chỉ tiêu định lượng được thể hiện tại Phụ lục 03 kèm theo Đề án)

VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động để phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

- Quán triệt đầy đủ quan điểm, văn bản chỉ đạo Nghị quyết số 71-NQ/TW, Nghị quyết 281/NQ-CP về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; các văn bản hướng dẫn của ngành về chủ trương, đường lối trong phát triển sự nghiệp giáo dục. Thực hiện tốt, đồng bộ các cuộc vận động, các phong trào thi đua nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng tự hào, tự trọng về nghề giáo.

- Tăng cường công tác tuyên truyền để các cấp, các ngành, mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn hiểu rõ vị trí, vai trò của giáo dục và đào tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương

- Tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng ủy, HĐND-UBND xã đối với giáo dục và đào tạo, nhất là vai trò người đứng đầu cấp uỷ trong các cơ sở giáo dục.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, lòng yêu nghề, sự tận tâm, tận lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên toàn ngành

- Tập trung giáo dục giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, pháp luật, lối sống; phối hợp, lồng ghép các nội dung giáo dục pháp luật, đạo đức, kỹ năng sống... vào các môn học, sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm ngoại khóa cho học sinh

- Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành giáo dục gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2. Tập trung rà soát bổ sung quy hoạch, xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị xây dựng trường chuẩn quốc gia

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch mạng lưới trường học phù hợp nhu cầu thực tế, giai đoạn 2026 – 2030.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hoá, hiện đại hoá trường học, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất, kỹ năng phát triển toàn diện cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông theo các tiêu chuẩn, tiêu chí quy định của Bộ GDĐT để tham mưu UBND xã trình Đảng ủy, HĐND xã phê chuẩn đưa vào đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tăng cường, bổ sung cảnh quan, môi trường sư phạm, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện như: Xây dựng nhà thi đấu đa năng, sân bóng đá, bóng rổ, thư viện mở, khu vui chơi vận động, dạy bơi phòng chống đuối nước.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, huy động nguồn lực từ các cá nhân, tổ chức xã hội để tăng cường cảnh quan sư phạm nhà trường theo hướng Xanh - Sạch -

Đẹp - Thân thiện - Hiện đại - An toàn, hướng tới mục tiêu xây dựng trường học Hạnh phúc.

- Hàng năm có xây dựng kế hoạch công nhận lại nâng chuẩn quốc gia các trường học. Phấn đấu đến năm 2030 trên địa bàn xã 100% trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

3. Xây dựng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TU ngày 22 tháng 8 năm 2015 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Luật Nhà giáo số 73/2015/QH12; Luật Viên chức số 129/2015/QH12; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2016/QH13; Nghị quyết số 01-NQ/ĐU, ngày 05/8/2015, nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Ea Ly lần thứ I, nhiệm kỳ 2015-2020.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng tổ chức Đảng và phát triển đảng viên mới trong các trường học. Tham mưu với Đảng ủy mở lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Đa dạng hoá các hình thức đào tạo bồi dưỡng để đáp ứng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo. Thực hiện tốt việc đánh giá phân loại đội ngũ hàng năm theo Luật Viên chức và chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở từng cấp học, bậc học.

- Tiếp tục đổi mới chính sách quản lý, sử dụng đội ngũ theo hướng coi trọng phẩm chất và năng lực thực tế. Phát huy tối đa vai trò của cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên cốt cán trong việc đóng góp cho ngành. Có cơ chế đãi ngộ đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có đóng góp tích cực cho sự nghiệp giáo dục; khuyến khích, động viên giáo viên có ý thức nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có chính sách khen thưởng kịp thời cán bộ, giáo viên và nhân viên đạt thành tích cao trong thực hiện nhiệm vụ, các phong trào thi đua, các hội thi của ngành. Thực hiện nâng lương trước thời hạn, thăng hạng chức danh nghề nghiệp kịp thời đối với giáo viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

- Tham mưu các cấp tổ chức tuyển dụng viên chức giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu, nâng cao về chất lượng đáp ứng được sự phát triển của giáo dục tại địa phương. Thực hiện quy định điều động, chuyển chuyển cán bộ, giáo viên đảm bảo công bằng, hợp lý.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

- Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn và giảm tỉ lệ học sinh chưa đạt trong các đơn vị trường học; có giải pháp bồi dưỡng cho học sinh lớp 5, lớp 9 dự tuyển sinh vào lớp 6 THCS, lớp 10 THPT; bám sát thực tế, làm tốt công tác phân luồng, định hướng nghề nghiệp cho học sinh cuối cấp.

- Các đơn vị trường học thực hiện hiệu quả đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh trong các nhà trường; chú trọng kiểm tra đánh giá năng lực, sự tiến bộ của học sinh; đa dạng hoá các hình thức kiểm tra, đánh giá, coi trọng đánh giá quá trình học tập của học

sinh đảm bảo thực chất, khách quan, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh, có tác dụng động viên, khuyến khích học sinh tích cực, chủ động học tập; hướng dẫn cha mẹ học sinh tham gia vào quá trình đánh giá học sinh trong quá trình học tập.

- Thực hiện công khai chất lượng giáo dục học sinh. Tuyên truyền phụ huynh học sinh về đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh; Phối hợp tốt với phụ huynh học sinh trong giáo dục STEM/STEAM, các hoạt động câu lạc bộ năng khiếu...

- Khuyến khích, động viên, khen thưởng kịp thời học sinh giỏi, học sinh đạt thành tích trong các kỳ thi, cuộc thi cấp xã, cụm chuyên môn, cấp tỉnh và quốc gia.

- Tăng cường giáo dục đạo đức, nhân cách và hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam trong mọi lĩnh vực đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách và hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam.

- Thực hiện cụ thể hoá hệ giá trị con người Việt Nam trong thời đại mới, tích hợp xuyên suốt trong chương trình giáo dục ở tất cả cấp học. Kiên trì xây dựng văn hoá học đường, văn hoá chất lượng, thực học, thực nghiệp gắn với trách nhiệm nêu gương của đội ngũ nhà giáo; chú trọng bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo. Đổi mới nội dung, phương thức giảng dạy, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đạo đức, lý tưởng, trách nhiệm xã hội, lối sống văn hoá, truyền thống lịch sử, chính trị, pháp luật, quốc phòng và an ninh... Thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực từ cơ chế thị trường, truyền thông, mạng xã hội. Ngăn chặn, đẩy lùi, phấn đấu trường học “Nói không với bạo lực học đường”.

5. Nâng cao chất lượng dạy học môn ngoại ngữ (Tiếng Anh) trong trường học

- Thực hiện nội dung trong Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về “Tăng cường việc dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Nâng chuẩn tiếng Anh cho giáo viên và học sinh các cấp học; bảo đảm đủ số lượng, trình độ đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và công nghệ, ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo trong dạy và học tiếng Anh”.

- Các đơn vị trường học tăng cường các giải pháp, cụ thể:

- + Tạo điều kiện cho giáo viên Tiếng Anh tham gia các lớp học bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn;

- + Bồi dưỡng giáo viên các môn học khác có khả năng giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh. Xây dựng môi trường tiếng Anh trong trường học; đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh, xây dựng ma trận đề đảm bảo đủ 04 kỹ năng, trong đó chú trọng kỹ năng nghe và linh hoạt, đa dạng trong kiểm tra kỹ năng nói

- + Đa dạng hóa việc tổ chức các sân chơi tiếng Anh cho học sinh như: giao lưu với khách du lịch nước ngoài, tổ chức Câu lạc bộ tiếng Anh, Festival...

- + Đầu tư phòng học bộ môn tiếng Anh đủ tiêu chuẩn.

6. Nâng cao chất lượng công tác quản lý giáo dục

- Phát huy vai trò của thủ trưởng đơn vị trong công tác quản lý, chỉ đạo, phát huy dân chủ và chịu trách nhiệm về chất lượng, chiến lược phát triển sự nghiệp giáo dục của đơn vị.

- Thực hiện tốt phân cấp quản lý, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị trường học; tạo động lực để cán bộ, giáo viên, nhân viên tự giác, tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ

- Tăng cường công tác quản lý, chú trọng quản lý chất lượng đầu ra của từng nhà trường, từng cấp học; thực hiện tốt công khai chất lượng giáo dục, đội ngũ, tài chính của các cơ sở giáo dục, phát huy tác dụng của hoạt động giám sát xã hội đối với chất lượng, hiệu quả giáo dục. Thực hiện tốt việc thu chi theo quy định.

- Tích cực đổi mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Kết hợp thanh tra chuyên ngành, chuyên đề với kiểm tra đột xuất nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đối với chất lượng giáo dục của các nhà trường.

- Thực hiện tốt công tác tự đánh giá và đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục; thành lập tổ công tác, phân công thành viên hỗ trợ, tư vấn cho các nhà trường về công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện tốt công tác cải cách, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, xây dựng môi trường làm việc văn hoá - văn minh.

7. Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong giáo dục

- Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đáp ứng yêu cầu sự phát triển giáo dục, phù hợp với thực tế địa phương, đơn vị.

- Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, quản trị hệ thống, ứng dụng phần mềm trong quản lý, giảng dạy; tạo bước chuyển đổi số mạnh mẽ trong ngành giáo dục và đào tạo. Tối ưu hóa nguồn lực và cơ sở vật chất sẵn có, có giải pháp phù hợp để mọi học sinh đều có cơ hội tiếp cận với giáo dục kỹ năng công dân số

- Bố trí đủ nhân viên công nghệ thông tin, trong các nhà trường theo quy định. Phối hợp mở các lớp bồi dưỡng về công nghệ thông tin, ứng dụng phần mềm, năng lực số cho đội ngũ cán bộ giáo viên và nhân viên toàn ngành. Đẩy mạnh thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến.

- Hình thành năng lực số cho học sinh phổ thông dựa trên khung năng lực số cho người học, đối với từng cấp học, khối lớp, mức độ cần đạt cho từng đối tượng. Đảm bảo tính phù hợp và thực tế cơ sở vật chất thiết bị hiện có. Quá trình triển khai cần được thực hiện từng bước, có lộ trình đồng bộ, đảm bảo tính khả thi. Nêu cao vai trò của môn Tin học cung cấp kiến thức nền tảng và hệ thống các kỹ năng số cốt lõi cho học sinh; các môn học và hoạt động giáo dục khác tạo môi trường để học sinh vận dụng kỹ năng số vào thực tế, qua đó củng cố và phát triển năng lực một cách toàn diện. Năng lực số của học sinh được hình thành và phát triển một cách liên tục, tích hợp trong suốt quá trình học tập thông qua các môn học và hoạt động giáo dục.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm trong quản lý và giảng dạy; lớp học thông minh, thư viện điện tử; ứng dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy và học. Khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, phát triển kho học liệu dùng chung đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho học sinh và nhân dân.

8. Tăng cường hợp tác trong giáo dục

- Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các chuyên đề, tham quan học tập kinh nghiệm các mô hình giáo dục hiện đại, chất lượng.

- Xây dựng các chương trình hợp tác, liên kết, chia sẻ về giáo dục với các trường có chất lượng, mô hình giáo dục tốt theo hướng “Cùng nhau chung tay phát triển” với các xã, phường trong và ngoài tỉnh.

9. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tài trợ trong giáo dục

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức xã hội... trong xây dựng xã hội học tập, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng và động cơ học tập đúng đắn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

- Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông trong giáo dục; xây dựng hình ảnh, thương hiệu, giá trị các nhà trường.

- Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục học sinh, xây dựng trường học hạnh phúc.

- Tranh thủ các nguồn lực đầu tư của các tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ hợp pháp cho giáo dục.

- Đẩy mạnh hoạt động của Hội khuyến học từ xã đến các thôn, buôn, dòng họ...; sử dụng có hiệu quả quỹ khuyến học, khuyến tài. Tôn vinh, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc và đóng góp nổi bật cho sự nghiệp giáo dục đào tạo.

10. Đẩy mạnh công tác phòng chống bạo lực học đường và an toàn trường học

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường trong toàn ngành Giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống bạo lực học đường.

- Thực hiện lồng ghép tích hợp các nội dung giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng phòng chống bạo lực học đường vào các môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 như môn giáo dục công dân, tự nhiên xã hội, hoạt động trải nghiệm và các môn học khác.

- Xây dựng và triển khai sử dụng các tài liệu giáo dục kỹ năng phòng, chống bạo lực học đường để cán bộ, giáo viên, gia đình học sinh và học sinh tham khảo sử dụng.

- Tăng cường phối hợp với Công an, Đoàn thanh niên xã trong việc tuyên truyền giáo dục pháp luật, bảo đảm an ninh, an toàn trường học; giáo dục đạo đức, lối sống,

kỹ năng; kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực học đường cho học sinh; triển khai hoạt động công tác xã hội và tư vấn học đường cho học sinh.

- Xây dựng trường học dân chủ, an toàn, lành mạnh, thân thiện; xây dựng và triển khai hiệu quả bộ Quy tắc ứng xử trong trường học, bảo đảm các giá trị cốt lõi: “Nhân ái - Tôn trọng - Trách nhiệm - Hợp tác - Trung thực”; phát triển các câu lạc bộ phù hợp với năng khiếu, sở thích, điều kiện và lứa tuổi học sinh; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động thể thao, hoạt động xã hội để hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh.

- Tăng cường quản lý học sinh sử dụng điện thoại di động, các thiết bị khác trong trường học nhằm góp phần ngăn ngừa, phòng chống bạo lực trên môi trường mạng.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình, phát huy vai trò của gia đình trong quản lý, giáo dục học sinh; thường xuyên thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình học sinh về hoạt động của nhà trường, tình hình học tập, rèn luyện, các dấu hiệu bất thường để phối hợp triển khai các biện pháp giáo dục học sinh; nhà trường hỗ trợ, cung cấp cho cha mẹ học sinh kiến thức, kỹ năng trong việc đồng hành, giáo dục giúp con tiến bộ.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai thực hiện kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân hợp pháp khác.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch; phối hợp với phòng Kinh tế tham mưu UBND xã bố trí kinh phí; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, các trường học trực thuộc xã trong thực hiện kế hoạch.

- Hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND xã.

- Tham mưu UBND đề xuất thực hiện tuyển dụng giáo viên, nhân viên trong các trường học đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, cơ cấu môn học; Phối hợp Ban xây dựng Đảng trình Đảng ủy công tác quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý, giáo viên các đơn vị trường học theo đúng quy trình.

- Thực hiện các chế độ, chính sách bảo trợ trẻ em; hướng nghiệp, bồi dưỡng, đào tạo nghề cho thanh, thiếu niên; Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho nhân viên y tế trường học, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh trong các nhà trường.

- Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao nhằm phát triển và nâng cao tầm vóc, thể lực cho học sinh; thực hiện tốt công tác truyền thông các hoạt động lĩnh vực giáo dục.

2. Phòng Kinh tế

- Bố trí nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch hiệu quả. Thẩm định dự án xây dựng các công trình trường học.

- Rà soát, quy hoạch quỹ đất giáo dục đáp ứng nhu cầu hiện tại, giai đoạn đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

3. Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Ea Ly

Phối hợp với các cơ quan thực hiện các dự án giáo dục thuộc kế hoạch, đảm bảo chất lượng, tiến độ và bàn giao cho các đơn vị thụ hưởng đúng quy trình, quy định.

4. Các cơ sở giáo dục trực thuộc xã

Triển khai, thực hiện Đề án phát triển giáo dục của xã, xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án theo từng giai đoạn, từng năm học.

5. Công an xã

Phối hợp với UBND xã và các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường. Đảm bảo an toàn, an ninh trường học. Phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi bạo lực học đường.

6. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Định hướng dự luận, tuyên truyền để cán bộ, nhân dân trên địa bàn nắm bắt và chung tay thực hiện tốt đề án, góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trên địa bàn xã.

7. BND các thôn, buôn

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền kế hoạch này đến bà con nhân dân của thôn mình biết, ủng hộ, thực hiện theo các nội dung đề ra.

Trên đây là Đề án phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Ea Ly.

PHỤ LỤC I
THỰC TRẠNG GIÁO DỤC XÃ EA LY
Mốc thời gian lấy số liệu tính đến hết năm học 2025 - 2026.

I. MẠNG LƯỚI, QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, TRẺ EM/HỌC SINH

STT	Cấp học	Tổng số trường (cơ sở GD)	Số điểm trường	Số nhóm, lớp	Số trẻ em/ học sinh	Trong đó: Nữ	Trong đó: DTTS	Ghi chú
1	Mầm non	2	3	14	420	228	281	
2	Tiểu học	1	2	28	802	396	432	
3	Trung học cơ sở	1	0	16	578	272	288	
4	TH và THCS	1	0	22	581	267	530	
	Tổng cộng	5	5	80	2381	1163	1531	

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

STT	Cấp học	Tổng số (người)	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Định mức giáo viên (nhu cầu)	Thừa (+)/ Thiếu (-) giáo viên	Giáo viên đạt chuẩn đào tạo	Giáo viên đạt trên chuẩn	Ghi chú
1	Mầm non	32	6	24	2	30,8	-6,8	24	24	
2	Tiểu học	45	3	41	1	43	-2	41	0	
3	Trung học cơ sở	28	2	25	1	31,4	-6,4	25	0	
4	TH và THCS	38	3	33	2	41	-7,7	33	2	
	Tổng cộng	143	14	123	6	146,2	-22,9	123	0	Số giáo viên còn thiếu (không tính CBQL, nhân viên)

Ghi chú: Cột "Tổng số" = Cán bộ quản lý + Giáo viên + Nhân viên; cột "Thừa (+)/Thiếu (-)" = Giáo viên hiện có – Định mức giáo viên.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ DẠY HỌC

STT	Cấp học	Tổng số phòng học	Kiên cố	Bán kiên cố	Phòng tạm, phòng mượn	Phòng học bộ môn	Trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu	Trường đạt chuẩn quốc gia	Ghi chú
1	Mầm non	15	15	0	0	2		2*	(*) Đạt
2	Tiểu học	28	28	0	0	3		Chưa đạt	
3	Trung học cơ sở	16	16	0	0	6		Chưa đạt	
4	TH và THCS	23	23	0	0	3		Chưa đạt	
	Tổng cộng đạt	82	82	0	0	12		02	

IV. CHẤT LƯỢNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC VÀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
I. Giáo dục mầm non				
1	Tỷ lệ trẻ em được tổ chức ăn bán trú	%	100%	
2	Tỷ lệ trẻ em được kiểm tra sức khỏe, theo dõi biểu đồ tăng trưởng	%	100%	
3	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	3,09%	
4	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	3,57%	
5	Tỷ lệ nhóm, lớp thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	%	100%	
II. Giáo dục tiểu học				
6	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	%	93,91%	
7	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học	%	98,29%	
8	Tỷ lệ học sinh được học môn Tiếng Anh, Tin học theo chương trình	%	100%	
III. Giáo dục trung học cơ sở				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
9	Tỷ lệ học sinh xếp loại học tập đạt yêu cầu trở lên	%	92,77%	
10	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	%	95%	
11	Số giải học sinh giỏi cấp tỉnh	giải	02	

V. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG RA LỚP VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
I. Huy động ra lớp				
1	Tỷ lệ huy động trẻ em độ tuổi nhà trẻ ra lớp	%	0%	
2	Tỷ lệ huy động trẻ em độ tuổi mẫu giáo ra lớp	%	93%	
3	Tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo 5 tuổi ra lớp	%	100%	
4	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	%	100%	
5	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6	%	98,29%	
6	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học (THPT, GDTX, GDNN)	%	90%	
7	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học	%	100%	
8	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi cấp THCS	%	100%	
9	Tỉ lệ học sinh bỏ học cấp tiểu học	%	0%	
10	Tỉ lệ học sinh bỏ học cấp THCS	%	1,41%	
II. Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của xã				
9	Kết quả phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi	%	100%	Đạt
10	Kết quả chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học	%	95%	Đạt mức độ 3
11	Kết quả chuẩn phổ cập giáo dục THCS	%	86,9%	Đạt mức độ 2
12	Kết quả chuẩn xóa mù chữ	%	97%	Đạt mức độ 2

VI. CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có kết nối internet phục vụ dạy, học và quản lý	%	100%	
2	Số máy tính phục vụ dạy và học	máy	80	
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục sử dụng phần mềm quản lý nhà trường	%	100%	
4	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai học bạ số/sổ điểm điện tử	%	100%	
5	Tỷ lệ giáo viên ứng dụng công nghệ số trong dạy học	%	80%	
6	Tỷ lệ cập nhật dữ liệu lên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục	%	100%	
7	Số cơ sở giáo dục triển khai mô hình trường học số, lớp học thông minh	đơn vị	1	
8	Số bài giảng/học liệu số được xây dựng, đóng góp kho dùng chung	đơn vị	0	
9	Việc triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học, quản lý	Có/Không	Có	

PHỤ LỤC 2

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC DÂN TỘC VÀ GIÁO DỤC ĐẶC THÙ

I. VỀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
1	Số học sinh là người dân tộc thiểu số	học sinh	1531	
2	Số trẻ em, học sinh khuyết tật học hòa nhập	học sinh	11	
3	Số học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, hoàn cảnh khó khăn	học sinh	366	
4	Số học sinh được miễn, giảm học phí	học sinh	2381	
5	Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	học sinh	2381	
6	Số học sinh được hỗ trợ học bổng, sách vở, đồ dùng học tập	học sinh	968	

II. CHẤT LƯỢNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC VÀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC HỌC SINH DÂN TỘC

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
I. Giáo dục mầm non				
1	Tỷ lệ trẻ em được tổ chức ăn bán trú	%	100%	
2	Tỷ lệ trẻ em được kiểm tra sức khỏe, theo dõi biểu đồ tăng trưởng	%	100%	
3	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	2,61%	
4	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	3,8%	
5	Tỷ lệ nhóm, lớp thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	%	100%	
II. Giáo dục tiểu học				
6	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	%	91,5%	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
7	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học	%	95,75%	
8	Tỷ lệ học sinh được học môn Tiếng Anh, Tin học theo chương trình	%	100%	
III. Giáo dục trung học cơ sở				
9	Tỷ lệ học sinh xếp loại học tập đạt yêu cầu trở lên	%	90,5%	
10	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	%	94,69%	
11	Số giải học sinh giỏi cấp tỉnh	giải	0	

PHỤ LỤC 3
CÁC CHỈ TIÊU TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2025-2030

STT	Nội dung chỉ tiêu	Hiện trạng 2025-2026	Chỉ tiêu đến năm 2030	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	Ghi chú
I	Đội ngũ CBQL, GV, NV							
1	Số lượng người làm việc trong các đơn vị	Thiếu 22,6	Đủ theo định mức quy định của thông tư 20/2023/TT-BGDĐT	Rà soát, đề nghị tuyển dụng; tăng chỉ tiêu biên chế, hợp đồng	Cơ bản đáp ứng đủ	Đủ	Đủ	
2	GV đạt chuẩn trình độ đào tạo	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
3	GV đạt chuẩn trình độ đào tạo trên chuẩn	%						
3.1	Bậc Mầm non	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
3.2	Bậc phổ thông (TH và THCS)	2,02	5%	Rà số giáo viên đang tham gia các khóa bồi dưỡng, đào tạo trình độ trên chuẩn; rà soát nhu cầu đào tạo	Cử hoặc tạo điều kiện cho GV tham gia học tập bồi dưỡng nâng chuẩn	Có giáo viên hoàn thành khóa học	5%	
II	Chất lượng giáo dục							
1	Tuyển sinh các cấp học	100%	100%	100% Kế hoạch năm học	100% Kế hoạch năm học	100% Kế hoạch năm học	100% Kế hoạch năm học	
2	Học sinh bỏ học	1,41%	Dưới 1% (phần đầu	Đánh giá nguyên nhân, triển khai	Không quá 1,4%	Không quá 1,2%	Duy trì dưới 1%; phần	Cấp tiểu học không

			không có học sinh bỏ học)	Kế hoạch giảm tỉ lệ học sinh bỏ học cho cả gia đoạn			đầu không có học sinh bỏ học	có học sinh bỏ học
2	<i>Giáo dục Mầm non</i>							
2.1	Tỷ lệ trẻ em được tổ chức ăn bán trú	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
2.2	Tỷ lệ trẻ em được kiểm tra sức khỏe, theo dõi biểu đồ tăng trưởng	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
2.3	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	3,09%	Dưới 3%	Dưới 3%	Dưới 3%	Dưới 2%	Dưới 2%	
2.4	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi	3,57%	Dưới 3%	Dưới 3%	Dưới 3%	Dưới 2%	Dưới 2%	
2.5	Tỷ lệ nhóm, lớp thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
2.6	Phổ cập MN 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
3.	<i>Giáo dục tiểu học</i>							
3.1	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	93,91%	97%	95%	96%	96%	97%	
3.2	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học	98,29%	100%	100%	100%	100%	100%	
3.3	Tỷ lệ học sinh được học môn Tiếng Anh, Tin học theo chương trình	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
3.4	Phổ cập TH	Đạt mức độ 3	Đạt mức độ 3	Đạt mức độ 3	Đạt mức độ 3	Đạt mức độ 3	Đạt mức độ 3	
4	<i>Giáo dục THCS</i>							

4.1	Tỷ lệ học sinh xếp loại học tập đạt yêu cầu trở lên	92,77%	95%	Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục	94%	95%	Phấn đấu duy trì bền vững chỉ tiêu giai đoạn	
4.2	Tỷ lệ học sinh xếp loại học tập đạt Khá, Giỏi	45%	Trên 50%	Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục	Đạt 50%	Đạt trên 50%	Phấn đấu duy trì bền vững chỉ tiêu giai đoạn	
4.3	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình THCS	95%	100%	Xây dựng kế hoạch duy trì sĩ số, nâng cao chất lượng giáo dục lớp cuối cấp	97%	99%	100%	
4.4	Số giải học sinh giỏi cấp tỉnh	02	Có học sinh đạt giải	Có học sinh đạt giải	Phấn đấu tăng số lượng giải	Phấn đấu tăng số lượng và chất lượng giải	Duy trì số lượng, chất lượng giải	
4.5	Tỉ lệ học sinh học THPT, GDTX, trung học nghề	90%	Trên 90%	Tăng cường công tác giáo dục, phân luồng học sinh sau THCS	Phối hợp với các trường dạy nghề, TT GDTX từng bước nâng cao tỉ lệ	90%	Phấn đấu trên 90%	
4.6	Phổ cập THCS	Đạt mức độ 2	Đạt mức độ 3	Rà soát mức độ đạt của các tiêu chí mức độ 3	Hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt	Đạt mức độ 3	Duy trì mức độ 3	
III	Giáo dục DTTS, đặc thù							
1	Tỉ lệ học sinh được	100	100	100	100	100	100	

	nhận đầy đủ chế độ chính sách							
2	Giảm chênh lệch về chất lượng giáo dục DTTS với giáo dục đại trà	Chất lượng GDDTTS thấp hơn giáo dục đại trà	Tiêm cận chất lượng giáo dục đại trà	Rà soát mức độ chênh lệch, các chỉ số chênh lệch; xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng GDDTTS	Giảm chênh lệch đáng kể	Giảm về mức tiêm cận giáo dục đại trà	Duy trì và tiếp tục nâng cao chất lượng GD DT	
3	Số học sinh nghèo, cận nghèo được hỗ trợ điều kiện học tập/học bổng/đỡ đầu... (ít nhất 01 lần năm)	80%	100%	Rà soát đối tượng thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo; Xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực hỗ trợ	90%	100%	Duy trì 100% và phấn đấu nâng cao mức hỗ trợ	
IV	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số							
1	Tỉ lệ giáo viên đáp ứng khung năng lực số (NLS) theo quy định của Bộ GDĐT	30%	100%	Xây dựng kế hoạch triển khai khung NLS; bồi dưỡng, tập huấn giáo viên	80%	100%	Duy trì tỉ lệ và nâng mức đáp ứng	
2	Tỉ lệ học sinh đáp ứng khung năng lực số (NLS) theo quy định của Bộ GDĐT	35%	90%	Xây dựng kế hoạch triển khai khung NLS cho học sinh; triển khai trong kế hoạch giáo dục nhà trường, môn học	60%	80%	90%	
3	Tỉ lệ đơn vị ứng dụng	100%	100%	100%	100%	100%	100%	

	CNTT, chuyển đổi số và AI trong dạy học, quản lý							
V	Đảm bảo bảo trường học an ninh, an toàn	Cơ bản đảm bảo	100% đơn vị trường được công nhận trường học an toàn	Đánh giá thực trạng, nguyên nhân; xây dựng kế hoạch phối hợp giữa các môi trường giáo dục; Không xảy ra bạo lực học đường, thương tích, đuối nước; không để phát sinh dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong nhà trường	Không xảy ra bạo lực học đường, thương tích, đuối nước; không để phát sinh dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong nhà trường	100% đơn vị trường được công nhận trường học an toàn	100% đơn vị trường được công nhận trường học an toàn	
VI	Trường đạt chuẩn quốc gia	40%	100%	Rà soát tỉ lệ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí trường chuẩn quốc gia của các đơn vị trường học; Xây dựng kế hoạch, lộ trình đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	60%	80%	100%	Lộ trình xây dựng trường chuẩn có Phụ lục IV kèm theo

PHỤ LỤC 4
LỘ TRÌNH XÂY DỰNG TRƯỜNG CÔNG LẬP ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026-2030

STT	Tên trường	Quy mô giáo dục đến năm 2030		Lộ trình kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia							Kinh phí đầu tư (triệu VNĐ)
		Số trẻ/ học sinh	Số nhóm/lớp	Năm đạt gần nhất	Mức độ đạt chuẩn quốc gia	Năm thực hiện kế hoạch					
						2026	2027	2028	2029	2030	
1	Mẫu giáo Ea Ly	310	10	2023	Mức 1			CNL			10.000
2	Mẫu giáo Ea Lâm	235	8	2020	Mức 1		CNL				10.000
3	Tiểu học Tân Lập	850	30	2012	Mức 1			CNL			25.000
4	TH và THCS Ea Lâm	700	26		Mức 1				CN		25.000
5	THCS Ea Ly	650	18	2015	Mức 1					CNL	30.000
	Tổng cộng	2745	92								100.000